

Bất bình đẳng kinh tế: tổng quan nghiên cứu và hàm ý đối với Việt Nam

Lý Đại Hùng*, Phạm Thành Công**, Nguyễn Phương Thảo***, Phạm Phú Minh****

Nhận ngày 25 tháng 3 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 5 năm 2025.

Tóm tắt: Bài viết phân tích các nghiên cứu gần đây về bất bình đẳng kinh tế và từ đó, đưa ra một số khuyến nghị cho nền kinh tế Việt Nam. Bằng cách thảo luận về khái niệm và cách đo lường bất bình đẳng kinh tế, bài viết này¹ phân tích tác động của bất bình đẳng kinh tế trên các khía cạnh, bao gồm kinh tế và xã hội. Mặc dù chưa có sự đồng thuận chung về khái niệm, bất bình đẳng kinh tế có thể được đo lường bằng hai chỉ số chính bao gồm hệ số Gini và tỷ lệ phân bổ thu nhập. Mỗi cách đo lường đều có ưu điểm và nhược điểm riêng, do đó, được sử dụng để bổ sung cho nhau. Bất bình đẳng kinh tế có thể thúc đẩy hoặc hạn chế tăng trưởng kinh tế, tùy thuộc vào phạm vi bất bình đẳng. Tuy nhiên, về xã hội, bất bình đẳng kinh tế gây ra tác động tiêu cực rõ ràng, làm gia tăng tội phạm.

Từ khóa: Bất bình đẳng kinh tế, Tác động kinh tế xã hội, Việt Nam.

Phân loại ngành: Kinh tế

Abstract: The article analyzes recent studies on economic inequality and thereby making a number of recommendations for the Vietnamese economy. By discussing the concept and measurement of economic inequality, it analyzes the impact of economic inequality on several aspects, including economic and social ones. Although there is no general consensus on the concept, economic inequality can be measured by two main indicators namely the Gini coefficient and the income distribution ratio. Each measurement has its own advantages and disadvantages, so the two are used to complement each other. Economic inequality can promote or limit economic growth, depending on the scope of inequality. However, in the social aspect, it has a clear negative impact, increasing crime.

Keywords: Economic inequality, socio-economic impact, Vietnam.

Subjects classification: Economics

1. Giới thiệu

Bất bình đẳng được xác định là một trong ba thách thức chính đối với con người trong thế kỷ XXI, bên cạnh biến đổi khí hậu và cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên (Diamond, J., 2020). Ở Việt Nam, bất bình đẳng cũng được quan tâm hàng đầu bởi mục tiêu trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội là phát triển kinh tế đi đôi với công bằng và tiến bộ xã hội, như cố Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Nguyễn Phú Trọng (2021) đã nêu. Và trong quản lý kinh tế, bất bình đẳng cũng được đề cập như một nền tảng của phát triển bền vững bao gồm bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường. Các mối quan tâm gần đây đã kéo theo một làn sóng nghiên cứu mới về bất bình đẳng kinh tế. Bài viết này đóng góp thêm một đánh giá về bất bình đẳng kinh tế và áp dụng vào trường hợp của Việt Nam.

Bài viết trước hết thảo luận về khái niệm rồi phân tích tác động của bất bình đẳng kinh tế trên ba khía cạnh, bao gồm: kinh tế, chính trị và xã hội (giáo dục và tội phạm). Khái niệm

*** Viện Kinh tế Việt Nam và thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

**** Chuyên gia kinh tế.

Email: hunglydai@gmail.com

¹ Bài viết này là sản phẩm của nhiệm vụ cấp Bộ "Xây dựng Bộ chỉ số Bất bình đẳng xã hội" (Chương trình trọng điểm cấp Bộ "Xây dựng Bộ chỉ số đảm bảo an sinh quốc gia"), TS. Lý Đại Hùng làm chủ nhiệm, Viện Kinh tế Việt Nam chủ trì, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tài trợ.

bất bình đẳng kinh tế phản ánh sự phức tạp trong tương tác giữa kinh tế và xã hội (Swedberg, R., 2002). Bất bình đẳng kinh tế có thể được đo lường bằng nhiều chỉ số khác nhau bao gồm hệ số Gini, tỷ lệ phân bổ thu nhập và các chỉ số khác. Mỗi cách thức đều có ưu điểm và nhược điểm riêng, do đó, cùng được sử dụng để bổ sung cho nhau trong việc phản ánh bất bình đẳng. Về mặt kinh tế, bất bình đẳng kinh tế có thể thúc đẩy hoặc hạn chế tăng trưởng kinh tế, tùy thuộc vào phạm vi bất bình đẳng. Tuy nhiên, về mặt chính trị và xã hội, bất bình đẳng kinh tế gây ra tác động tiêu cực rõ ràng, bằng cách tiềm ẩn nguy cơ gia tăng tội phạm.

Với nhiều kết quả nghiên cứu về bất bình đẳng kinh tế cho đến nay, việc phân tích được lịch sử nghiên cứu cho đến nay cũng đặt ra các thách thức nhất định. Lý do chính là vẫn chưa có sự đồng thuận nào về định nghĩa bình đẳng. Nhóm nghiên cứu vượt qua thách thức này bằng cách chấp nhận rằng khái niệm bất bình đẳng có thể được định nghĩa bằng nhiều cách tiếp cận khác nhau, sau đó, tập trung vào việc đo lường và tác động của bất bình đẳng kinh tế. Đặc biệt, mặc dù định nghĩa về bất bình đẳng kinh tế rất đa dạng, nhưng việc đo lường và phân tích tác động của biến số này lại có xu hướng hội tụ thành một cách tiếp cận chung, mang tính giản đơn và hiệu quả trong thực tế.

Bài tổng quan tài liệu gần đây nhất về bất bình đẳng kinh tế đã được (Thorbecke, E. & Charumilind, C., 2002) thực hiện hơn 20 năm trước. Tập trung vào bằng chứng thực nghiệm, nhóm tác giả này đã xem xét tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng kinh tế, giáo dục, xung đột chính trị, sức khỏe và tội phạm. Nhưng bài báo này vẫn còn thiếu đánh giá sâu về khái niệm và phép đo bất bình đẳng kinh tế. Gần đây, một số bài báo tổng quan đã được thực hiện nhưng chỉ tập trung vào một khía cạnh cụ thể của phát triển kinh tế - xã hội như tăng trưởng kinh tế của Mdingi, K. & Ho, S.Y. (2021), thành tựu xã hội dựa trên các quy tắc chuẩn mực (Trump, K.S., 2020), phản ứng chính trị (Klitgaard, M.B. & Elkjær, M.A, 2021) và sự tham gia của công dân (Schroder, J.M & Neumayr, M., 2023). Do đó, vẫn còn thiếu một bài tổng quan có thể kết hợp hầu hết các khía cạnh kinh tế - xã hội quan trọng này thành một tổng hợp.

Trong bối cảnh vừa nêu trên, bài viết này cố gắng cung cấp một tổng quan mang tính hệ thống về bất bình đẳng kinh tế, bao gồm từ khái niệm và tác động kinh tế xã hội, với các thông tin cập nhật từ các bài báo mới xuất bản gần đây. Do đó, bài viết của nhóm đóng góp vào hướng nghiên cứu về bất bình đẳng kinh tế bằng cách cung cấp một nền tảng cho các bài báo trong tương lai về cùng chủ đề bất bình đẳng kinh tế. Hơn nữa, nhóm cũng đưa ra một số khuyến nghị cho nền kinh tế Việt Nam. Kết quả này rất quan trọng nhưng vẫn còn là khoảng trống trong các nghiên cứu tổng quan gần đây.

Về phương pháp nghiên cứu, với mục đích tổng quan nghiên cứu về bất bình đẳng cho đến nay, bài viết sử dụng phương pháp định tính, trên cơ sở phân tích, tổng hợp các tài liệu liên quan đến bất bình đẳng kinh tế gồm các bài báo và tạp chí trong và ngoài nước. Vì vậy, bài viết trình bày kết quả trong mục tiếp theo.

2. Kết quả và thảo luận

2.1. Khái niệm về bất bình đẳng kinh tế

Khái niệm bất bình đẳng có thể được sử dụng để đánh giá sự phân bổ giữa các quốc gia, giữa các khu vực, giữa các tầng lớp xã hội và giữa các cá nhân hoặc gia đình. Bất bình đẳng có thể được nắm bắt bằng hai cách tiếp cận. Theo định nghĩa của Max Weber trong nghiên cứu của Aydin, K. (2018), bất bình đẳng là sự phân bổ không bình đẳng cơ hội giữa các cá nhân để họ đạt được mục tiêu của mình, trong khi theo Sen, A. (1979), bất bình đẳng là sự phân bổ không bình đẳng năng lực giữa các cá nhân để họ hiện thực hóa mục tiêu của mình. Do đó, cách tiếp cận của Max Weber (Swedberg, R., 2002) nhấn mạnh vào cơ hội trong khi cách tiếp cận của Sen, A. (1979) lại dựa vào năng lực. Nhìn chung, bất bình đẳng có thể được định nghĩa bằng cách loại trừ: bình đẳng có nghĩa là sự phân phối bình đẳng của một

giá trị giữa các cá nhân, trong khi bất bình đẳng nắm bắt sự phân phối nằm ngoài bình đẳng. Giá trị cụ thể được đề cập có thể là cơ hội theo cách tiếp cận của Max Weber hoặc năng lực theo cách tiếp cận của Sen, A. (1979).

Dựa trên định nghĩa về bất bình đẳng, bất bình đẳng kinh tế đề cập đến chiều kích kinh tế của bất bình đẳng. Kinh tế là một trong nhiều chiều kích gắn liền với bất bình đẳng, bao gồm kinh tế, chính trị, giáo dục và y tế. Trong các nghiên cứu gần đây, bất bình đẳng kinh tế thường đề cập đến thu nhập và của cải, chủ yếu do tính khả dụng của dữ liệu và nội hàm của hai biến số này trong việc phản ánh mức sống. Trong thực tế, thu nhập dễ được khai thác hơn bằng cách sử dụng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân đầu người. Của cải khó đo lường hơn vì nó liên quan đến sự tích lũy thu nhập theo thời gian. Vì vậy, thu nhập vẫn là trụ cột trọng tâm, chi phối nghiên cứu về bất bình đẳng kinh tế cho đến nay.

2.2. Đo lường bất bình đẳng kinh tế

2.2.1. Hệ số Gini và các phiên bản mở rộng

Chỉ số đầu tiên về bất bình đẳng kinh tế là hệ số Gini, được nhà thống kê người Ý Corrado Gini đề xuất (Gini, C., 1912). Chỉ số này được tính bằng tỷ lệ diện tích giữa hai đường cong (đường cong Lorenz và đường 45 độ) với diện tích bên dưới đường 45 độ. Đường cong Lorenz, ngược lại, biểu thị tỷ lệ thu nhập do tỷ lệ dân số tương ứng nắm giữ (Lorenz, M.O., 1905). Theo cấu trúc, hệ số Gini nằm trong khoảng từ 0 đến 1,0 và giá trị của hệ số càng cao thì bất bình đẳng càng lớn. Hệ số này đã trở thành yếu tố trung tâm để đo lường bất bình đẳng và cũng đã được mở rộng về mặt tính toán và ứng dụng không chỉ trong các lĩnh vực kinh tế và xã hội mà còn trong các lĩnh vực khác.

Một hướng để phát triển hệ số Gini là xem xét sự khác biệt trong phân phối thu nhập ở các phạm vi thu nhập khác nhau. Theo cách tiếp cận này, hệ số Gini có thể trở nên nhạy cảm, có các giá trị khác nhau không đồng nhất với các nhóm dân số có thu nhập thấp hoặc các nhóm dân số có thu nhập cao. Độ nhạy được hình thành dựa trên một điểm yếu trong công thức tính hệ số Gini, đó là giá trị của hệ số này ở phần đuôi của phạm vi thu nhập, bao gồm các điểm gần mức thu nhập thấp nhất và mức thu nhập cao nhất, cả hai đều khó tính toán.

Phương pháp tổng quát ngẫu nhiên (GE - General Entropy) tạo nên một họ chỉ số cùng phản ánh bất bình đẳng kinh tế. Các giá trị của lớp biện pháp tổng quát ngẫu nhiên thay đổi từ 0, tức là bình đẳng hoàn hảo, đến vô cực (∞). Phương pháp tổng quát ngẫu nhiên phụ thuộc vào tham số α , biểu thị độ nhạy của chỉ số đối với các phân khúc khác nhau của phân phối. Các nhà nghiên cứu có thể chọn tham số α để gán trọng số cho khoảng cách giữa thu nhập ở các phân khúc khác nhau của phân phối thu nhập. Đối với các giá trị α thấp hơn, biện pháp này nhạy cảm hơn với các thay đổi ở đuôi dưới của phân phối và đối với các giá trị cao hơn, nó nhạy cảm hơn với các thay đổi ảnh hưởng đến phần đuôi. Với (N) cá nhân, mỗi cá nhân có thu nhập (y_i) và thu nhập trung bình ($\bar{y}$), công thức như sau:

$$GE(\alpha) = \frac{1}{\alpha(\alpha - 1)} \left[\frac{1}{N} \sum_{i=1}^N \left(\frac{y_i}{\bar{y}} \right)^{\alpha} - 1 \right]$$

Các giá trị phổ biến nhất của α là 0, 1 và 2. Khi $\alpha = 0$, chỉ số này được gọi là “chỉ số L của Theil” hoặc phép đo “độ lệch logarit trung bình”. Khi $\alpha = 1$, chỉ số này được gọi là “chỉ số T của Theil” hoặc phổ biến hơn là “chỉ số Theil”. Khi $\alpha = 2$, chỉ số này được gọi là “hệ số biến thiên”.

Một hướng phát triển khác của hệ số Gini là xem xét nhận thức về phúc lợi xã hội liên quan đến bất bình đẳng trong phân phối thu nhập. Chỉ số Atkinson, được Atkinson, A.B. (1970) đưa ra, là thước đo phổ biến nhất về bất bình đẳng dựa trên phúc lợi dựa trên sự phát triển từ hệ số Gini.

Hệ số Atkinson biểu thị tỷ lệ phần trăm tổng thu nhập mà một xã hội nhất định từ bỏ để đạt được sự chia sẻ thu nhập bình đẳng hơn giữa các người dân. Atkinson, A.B. (1970) đưa ra một tham số (ε), biểu thị mức độ phòng ngừa, tức là thái độ đánh giá của xã hội đối với bất bình đẳng thu nhập. Tham số này có giá trị từ 0 đến vô cực (∞). Khi tham số ε này thấp, chỉ số Atkinson sẽ gần với hệ số Gini ban đầu. Thông thường, khi tham số ε này tăng lên, một xã hội sẽ coi trọng việc phân phối lại thu nhập cho nhóm thu nhập thấp trong phạm vi thu nhập hơn là nhóm thu nhập cao.

Chỉ số Atkinson có thể nắm bắt toàn bộ phạm vi phân phối thu nhập, do đó, khắc phục được điểm yếu cốt yếu của hệ số Gini nằm ở sự rất nhạy cảm ở phần đuôi trong dải phân phối thu nhập. Do đó, hệ số này có khả năng ứng dụng cao trong việc hoạch định chính sách. Tuy nhiên, bản thân hệ số này lại trở nên nhạy cảm vì các xã hội khác nhau có thể có nhận thức khác nhau về phúc lợi, nghĩa là chức năng của phúc lợi xã hội khác nhau ở các quốc gia khác nhau.

Các hướng phát triển hệ số Gini không xem xét đến khoảng cách thu nhập tồn tại trong phân phối thu nhập giữa các cá nhân trong xã hội, vì công thức của hệ số Gini cần sự sắp xếp liên tục của các cá nhân từ thu nhập thấp đến thu nhập cao. Tỷ lệ phân bổ thu nhập, được trình bày tiếp theo, khắc phục được điểm yếu này.

2.2.2. Tỷ lệ phân bổ thu nhập

Thước đo thứ hai về bất bình đẳng kinh tế là tỷ lệ phân bổ thu nhập. Haughton, J. & Khandker, S. (2009) xây dựng tỷ lệ phân bổ thập phân, biểu thị tỷ lệ thu nhập hoặc mức tiêu dùng trung bình của 10% nhóm người giàu nhất với tỷ lệ thu nhập hoặc mức tiêu dùng của 10% nhóm người nghèo nhất. Xếp hạng thập phân sắp xếp dữ liệu từ thấp nhất đến cao nhất và được thực hiện trên thang điểm từ 1 đến 10, trong đó mỗi số liên tiếp tương ứng với mức tăng 10 điểm phần trăm. Một tỷ lệ thu nhập khác là tỷ lệ phân bổ ngũ phân vị, theo đó, dân số được chia thành năm nhóm với số lượng bằng nhau, mỗi nhóm chiếm 20% dân số. Do đó, một ngũ phân vị chỉ định thứ hạng ngũ phân vị cho một tập dữ liệu.

Tỷ lệ thu nhập phản ánh được quy mô mà thu nhập của người giàu cao hơn thu nhập của người nghèo, nhưng bỏ qua các nhóm thu nhập ở giữa phân phối thu nhập. Ví dụ, tỷ lệ phân bổ đạt 50% có nghĩa là một nửa tổng tài sản thuộc sở hữu của 90% hộ gia đình nghèo nhất và một nửa còn lại thuộc sở hữu của 10% hộ gia đình giàu nhất. Tuy vậy, tỷ lệ này lại không cung cấp thông tin về sự phân phối của cải trong mỗi nhóm hộ gia đình trên. Cụ thể, nếu một nửa của cải được phân phối đều cho 90% hộ gia đình nghèo nhất, hoặc nếu chỉ riêng các hộ gia đình ở phần trăm thứ 90 sở hữu một nửa tổng của cải, thì giá trị của chỉ số hộ gia đình 10% hàng đầu vẫn sẽ giữ nguyên.

Một cách thức khác đo lường phân bổ thu nhập mà liên quan đến tỷ lệ thu nhập là tỷ lệ tài sản của nhóm dân cư có thu nhập cao nhất, được phổ biến bởi nhóm nghiên cứu của Piketty, T. (2014), công bố trực tuyến tại trang web www.wid.com. Các chỉ số này được định nghĩa là tỷ lệ tổng tài sản do các hộ gia đình sở hữu nằm trên phần trăm tương ứng của phân phối tài sản, ví dụ như tỷ lệ tổng thu nhập của một quốc gia do 10% dân số có thu nhập cao nhất sở hữu. Tỷ lệ này càng cao thì bất bình đẳng kinh tế càng cao. Từ con số này, nhóm tác giả cũng tính toán thêm hai chỉ số nữa, bao gồm tỷ lệ tổng tài sản của một quốc gia do 10% nhóm thu nhập hàng đầu sở hữu và tỷ lệ giữa tài sản và thu nhập (tỷ lệ tài sản - thu nhập) trong một nền kinh tế. Gần đây, với cùng phương pháp luận, tác giả này cũng đã xây dựng một chỉ số về bất bình đẳng giới và bất bình đẳng về phát thải carbon.

Piketty, T. (2014) nắm bắt được những biến động theo thời gian của bất bình đẳng ở các quốc gia khác nhau, từ đó, đã giúp hình thành nên một khuôn khổ để phân tích và thảo luận chính sách ở tầm quốc tế. Những phát hiện của nhóm tác giả này đã tạo ra một phong

trào mới trong nghiên cứu bất bình đẳng thu nhập và của cải, nhấn mạnh hơn vào khả năng theo dõi những thay đổi trong phân phối thu nhập theo thời gian, điều mà các nghiên cứu trước đây không thể tính đến. Để đạt được đóng góp này, họ cũng phát triển một phương pháp kế toán để phân tích thu nhập quốc dân, được gọi là kế toán thu nhập quốc dân phân phối (DNIA - Distributed National Income Accounting).

3. Tác động của bất bình đẳng kinh tế

3.1. Kinh tế

Bất bình đẳng ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế thông qua tiết kiệm. Theo mô hình tăng trưởng tân cổ điển (Solow, R.M., 1956), tiết kiệm, thông qua tích lũy vốn, thúc đẩy nền kinh tế theo tiến trình tăng trưởng cân bằng (balanced-growth path), cho đến khi nền kinh tế đạt được trạng thái cân bằng dài hạn, còn gọi là trạng thái ổn định (steady state). Bất bình đẳng hơn có lợi cho tích lũy vốn vì người giàu có xu hướng tiết kiệm cận biên cao hơn người nghèo (Kaldor, K., 1955). Tiết kiệm lớn tạo ra khối tài sản lớn vì các hộ gia đình có thể đầu tư vào tài sản có tỷ lệ lợi nhuận cao và rủi ro hơn. Tiền tiết kiệm của các hộ gia đình giàu có cũng có thể chuyển cho con cháu của họ thông qua di chúc, và di chúc từ thế hệ trước cho phép thế hệ hiện tại tiết kiệm. Do đó, tương đối ít hộ gia đình giàu có tích lũy tiền tiết kiệm để truyền lại di chúc của họ cho các thế hệ tiếp theo.

Đối với một quốc gia đang trong giai đoạn đầu phát triển, bất bình đẳng sẽ thúc đẩy tăng trưởng vì vốn vật chất khan hiếm và việc tích lũy vốn đòi hỏi phải tiết kiệm (Galor, O., 2000). Khi đó, tỷ lệ người giàu trong dân số tăng lên sẽ dẫn đến tiết kiệm cao hơn và tăng trưởng nhanh. Ở giai đoạn phát triển sau, tính sẵn có của vốn vật chất tăng lên sẽ làm tăng lợi tức đầu tư vào vốn con người. Tuy nhiên, với sự không hoàn hảo của thị trường tín dụng, người nghèo do đó sẽ thấy việc tiếp cận vốn của họ khó khăn để đầu tư vào vốn con người (Aghion, P. & Bolton, P., 1997; Galor, O. & Zeira, J., 1993). Do đó, bất bình đẳng thu nhập thậm chí có thể dẫn đến bẫy nghèo đói với tăng trưởng kinh tế thấp hơn.

Mối quan hệ giữa bất bình đẳng và tăng trưởng kinh tế cũng cần được hiểu là một quá trình hai chiều. Một mặt, bất bình đẳng làm tăng trưởng kinh tế như Kaldor, K. (1955) và Galor, O. (2000) lập luận. Nhưng mặt khác, tăng trưởng kinh tế cũng có tác động phân phối không đối xứng, theo nghĩa là tỷ lệ lợi nhuận do quá trình tăng trưởng tạo ra có thể được phân bổ nhiều hơn cho các hộ gia đình giàu có. Lý do là các tài sản có tỷ lệ lợi nhuận cao phần lớn do các hộ gia đình giàu nắm giữ, trong khi các tài sản có tỷ lệ lợi nhuận thấp do các hộ gia đình thu nhập thấp nắm giữ.

Hầu hết các nghiên cứu thực nghiệm ban đầu dựa trên dữ liệu vi mô hộ gia đình đều lập luận về mối quan hệ tích cực giữa bất bình đẳng và tiết kiệm cá nhân (Houthakker, H.S., 1961; Kelley, A.C. & Williamson, J.G., 1968). Nhưng ở dữ liệu tổng hợp nhiều quốc gia, bằng chứng về tác động của bất bình đẳng đến tiết kiệm tổng hợp là hỗn hợp. Tác động của bất bình đẳng đến tiết kiệm có thể là tích cực trong một mẫu gồm 49 quốc gia kém phát triển (Cook, C.J., 1995) hoặc thậm chí không có bằng chứng kết luận nào ở cả dữ liệu cắt ngang và dữ liệu bảng (Schmidt-Hebbel, K. & Servén, L., 2000). Ngay cả ở mức thu nhập bình quân đầu người thấp, bất bình đẳng thu nhập vẫn có liên quan đến tổng tiết kiệm cao hơn và có lẽ một phát hiện có liên quan hơn là bất bình đẳng chỉ ảnh hưởng đến tỷ lệ tiết kiệm tư nhân ở các quốc gia có mức độ phát triển thị trường tài chính thấp (Smith, D., 2001).

Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu thực nghiệm gần đây đều thách thức quan điểm thông thường về tác động tích cực của bất bình đẳng đối với tăng trưởng. Bằng cách tóm tắt các kết quả chính từ 23 nghiên cứu gần đây về tác động của bất bình đẳng đối với tăng trưởng, Benabou, R. (1994) lập luận rằng bất bình đẳng ban đầu có tương quan tiêu cực với tăng

trường dài hạn. Và quy mô của tác động là bất bình đẳng giảm một độ lệch chuẩn sẽ làm tăng tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người hàng năm lên 0,5-0,8%. Nhưng tác động của bất bình đẳng đối với tăng trưởng cũng có thể là tiêu cực ở các nước nghèo (GDP bình quân đầu người dưới hoặc khoảng 2000 đô la Mỹ theo giá năm 1985) và trở thành tích cực ở các nước giàu (Barro, R.J., 1999). Một bằng chứng bất đối xứng tương tự cũng được ghi nhận với đường cong hình chữ U ngược của tốc độ tăng trưởng kinh tế đối với bất bình đẳng bị trễ của Banerjee, A.V. & Duflo, E. (2003).

Tác động tiêu cực của bất bình đẳng đối với tăng trưởng kinh tế cũng được ghi nhận bằng cách đo lường bất bình đẳng kinh tế theo phân phối của cải (Islam, M.R. & McGillivray, M., 2020). Và tác động có thể được giảm thiểu bằng chất lượng quản trị của một nền kinh tế. Một yếu tố quan trọng khác là phân bổ cơ hội. Trong các xã hội mà cơ hội được phân bổ không đồng đều - nơi hoàn cảnh vật chất của cha mẹ đóng vai trò là ràng buộc ràng buộc đối với các cơ hội dành cho con cái họ - bất bình đẳng thu nhập gây ra lực cản lớn hơn đối với tăng trưởng trong tương lai (Aiyar, S. & Ebeke, C., 2020).

Ở Việt Nam, tác động của bất bình đẳng kinh tế đến tăng trưởng đã nhận được nhiều sự quan tâm, với những phát hiện thực nghiệm trái chiều. Hầu hết các nghiên cứu đều cho rằng tác động tiêu cực của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế (Luong, Q.H., 2022). Tuy nhiên, chỉ có một mối quan hệ tiêu cực mạnh mẽ hiện có giữa tỷ lệ nghèo đói ban đầu và tăng trưởng kinh tế sau đó, nhưng không có mối liên hệ (hoặc liên kết trực tiếp yếu) giữa bất bình đẳng ban đầu và tăng trưởng kinh tế sau đó (Lê, Q.H. & Nguyễn, H.N., 2019). Một lý do là các kênh mà bất bình đẳng thu nhập dẫn đến tăng trưởng kinh tế cao hơn bị bù trừ bởi các kênh đối lập mà bất bình đẳng gây hại cho tăng trưởng.

Mặt khác, nhiều nghiên cứu khác nhau đã phân tích sâu hơn tác động tiêu cực của bất bình đẳng đến tăng trưởng kinh tế. Bất bình đẳng thu nhập giữa nam và nữ có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế địa phương tại Việt Nam, trong khi bất bình đẳng thu nhập giữa nữ và nam có tác động ngược lại (Võ, H. Đ., Nguyễn Công, T., Hồ Minh, C., Võ Thế, A. & Phạm Ngọc, T., 2018). Hệ số Gini-tiêu dùng phản ánh rõ hơn tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng và tồn tại mối quan hệ phi tuyến tính hình chữ U ngược giữa bất bình đẳng chi tiêu và tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam (Lê, H.P.L. & Nguyễn, N.A.T., 2016). Bất bình đẳng thu nhập tác động tích cực đến tiền tiết kiệm của hộ gia đình và tác động của bất bình đẳng đến tiền tiết kiệm mạnh hơn ở những hộ gia đình nghèo hơn, giàu hơn, trẻ hơn và có chồng làm chủ hộ so với những hộ khác (Tran, N. D., Ong, C. N. & Nguyen, Q. D. L., 2020). Tính bền vững của những thành tựu giảm nghèo của Việt Nam không được đảm bảo vì bất bình đẳng lớn hơn có thể làm suy yếu cả hiệu quả mà tăng trưởng trong tương lai sẽ giúp giảm nghèo và khiến việc theo đuổi các chính sách có lợi cho người nghèo trở nên khó khăn hơn về mặt chính trị (Fritzen, S., 2002). Tác động có lợi của tăng trưởng kinh tế đối với giảm nghèo, nhưng điều này có thể phụ thuộc vào mức độ bất bình đẳng và hơn nữa khoảng cách bất bình đẳng này đang gia tăng theo thời gian, đặc biệt là bất bình đẳng trong nội tỉnh lớn hơn nhiều so với bất bình đẳng giữa các tỉnh (Dang, H.A., Dhongde, S., Do, M., Nguyen, C. V. & Pimhidzai, O., 2023).

3.2. Giáo dục

Có hai lý thuyết chính giải thích tác động của bất bình đẳng thu nhập đến giáo dục: cơ chế giá trên thị trường lao động và so sánh xã hội.

Cơ chế giá cho thấy mối quan hệ giữa giáo dục và bình đẳng thu nhập là kết quả của lợi nhuận kinh tế liên quan đến giáo dục. Nếu nhu cầu lao động không có kỹ năng giảm hoặc tăng chậm hơn nhu cầu lao động có kỹ năng, bất bình đẳng tiền lương sẽ tăng. Bất bình đẳng tiền lương sẽ tiếp tục tăng cho đến khi nguồn cung sinh viên mới tốt nghiệp đại học làm

giảm lợi nhuận từ việc học. Hơn nữa, nếu có khoảng cách lớn trong các cơ hội giáo dục giữa người giàu và người nghèo, thì lợi ích của tăng trưởng kinh tế chủ yếu do những người lao động có trình độ nắm giữ. Và điều này làm trầm trọng thêm bất bình đẳng tiền lương.

Khoảng cách về cơ hội giáo dục, là nguyên nhân gây ra bất bình đẳng tiền lương, rất khó để thu hẹp, do sự đầu tư không đủ chủ yếu của nhóm người nghèo, bắt nguồn từ thị trường tín dụng không hoàn hảo. Các hộ gia đình nghèo bị hạn chế về tiền mặt và vì họ không thể vay mượn, nên họ gặp khó khăn trong việc cho con cái đi học hoặc giữ con cái ở lại trường. Những điều kiện cách điệu này dẫn đến một vòng luẩn quẩn, trong đó bất bình đẳng và nghèo đói ban đầu dẫn đến đầu tư không đủ vào giáo dục trong số những người nghèo, từ đó, làm trầm trọng thêm bất bình đẳng (Birdsall, N., 1999).

So sánh xã hội cho thấy lý thuyết về sự thiếu thốn phản ánh khi mức độ bất bình đẳng cao khiến người nghèo cảm thấy tệ hơn, do đó làm tăng sự xa lánh và căng thẳng của họ (Jencks, C. & Mayer, S.E., 1990). Theo một phiên bản của giả thuyết này, trẻ em cảm thấy bị tước đoạt khi chúng không có cùng tài sản vật chất như những người khác trong trường học hoặc khu phố của chúng. Trong một phiên bản khác, sự thiếu thốn tương đối cũng có thể khiến cha mẹ nghèo hơn căng thẳng và xa lánh, hạ thấp kỳ vọng của họ đối với con cái hoặc làm giảm chất lượng nuôi dạy con cái của họ (McLoyd, V.C., 1990).

Một số nghiên cứu thực nghiệm đã được thực hiện về tác động của bất bình đẳng thu nhập (hoặc của cải) đối với giáo dục. Bất bình đẳng ban đầu trong sở hữu đất đai có thể góp phần dự đoán cả tăng trưởng thu nhập và những thay đổi trong bất bình đẳng thu nhập (Deininger, K. & Squire, L., 1996). Theo một bằng chứng khác, bất bình đẳng thu nhập tăng một độ lệch chuẩn (được đo bằng hệ số Gini) sẽ làm giảm 10% tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông và bất bình đẳng tăng một độ lệch chuẩn sẽ làm tăng 40% tỷ lệ tốt nghiệp đại học (Mayer, S., 2005). Tuy nhiên, không có bằng chứng nào hỗ trợ cho lập luận rằng tỷ lệ ghi danh tăng nhiều hơn ở các tiểu bang có bất bình đẳng tiền lương và lợi nhuận từ việc học tăng đáng kể hơn ở Hoa Kỳ (Acemoglu, D. & Pischke, J. S., 2000).

Tương tự như vậy, cũng có một số nghiên cứu thực nghiệm về tác động của bất bình đẳng kinh tế đến giáo dục tại Việt Nam. Hầu hết tập trung vào tác động của bất bình đẳng giáo dục đến tình trạng thu nhập. Những cá nhân từ các gia đình giàu có có khả năng đạt được thành tích tốt hơn trong giáo dục so với những người từ các gia đình nghèo hơn (Ha, V. H., Nguyen, T. T. A., Fursova, V. V. & Shakirova, A. Y., 2020). Tình trạng thu nhập gia đình thấp, ngoài chi phí đại học, là một trong những rào cản lớn đối với quyết định theo học đại học của sinh viên.

3.3. Tội phạm

Mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập và tội phạm có thể được mô tả bởi ba nhánh lý thuyết: (i) Lý thuyết kinh tế về tội phạm (Becker, G.S., 1968); (ii) Lý thuyết căng thẳng (Merton, R., 1957); và (iii) Lý thuyết mất trật tự xã hội (Shaw, C.R. & McKay, H.D., 1942).

Trong lý thuyết kinh tế về tội phạm của Becker, tiền lương hợp pháp phản ánh chi phí cơ hội cho tội phạm. Các cá nhân trở thành tội phạm vì phần thưởng tài chính và các phần thưởng khác cao hơn từ tội phạm so với công việc hợp pháp, có tính đến khả năng bị bắt giữ và kết án, và mức độ nghiêm trọng của hình phạt. Mô hình Becker, G.S. (1968), sau này được Ehrlich, I. (1973) phát triển thêm, lập luận rằng khoản tiền thưởng cho tội phạm, đặc biệt là tội phạm tài sản, chủ yếu phụ thuộc vào các cơ hội do các nạn nhân tiềm năng của tội phạm cung cấp. Theo một cách diễn đạt khác, mức thu nhập hợp pháp mà một cá nhân mong đợi bao gồm mức thu nhập của các nạn nhân tiềm năng. Mức này càng cao thì động cơ phạm tội, đặc biệt là tội phạm chống lại tài sản càng cao. Do đó, đối với một mức thu nhập trung bình nhất định, bất bình đẳng thu nhập có thể là dấu hiệu cho thấy sự khác biệt giữa khoản tiền thưởng của các hoạt động hợp pháp và bất hợp pháp.

Các lý thuyết khác cũng rất đáng quan tâm. Đối với lý thuyết về căng thẳng xã hội, những cá nhân không thành công cảm thấy thất vọng với hoàn cảnh của họ, khi đối mặt với thành công tương đối của những người khác xung quanh họ. Lý thuyết này được chỉ ra là được tổ chức theo nghĩa là bất bình đẳng càng lớn, thì căng thẳng này càng cao và động cơ thúc đẩy những cá nhân có địa vị thấp phạm tội càng lớn (Kelly, M., 2000). Đối với lý thuyết về mất tổ chức xã hội, tội phạm xảy ra khi các cơ chế kiểm soát xã hội bị suy yếu. Các yếu tố làm suy yếu khả năng quản lý các thành viên của một cộng đồng là nghèo đói, sự khác biệt về chủng tộc, tính di động của nơi cư trú và sự bất ổn của gia đình. Trong trường hợp này, bất bình đẳng có liên quan đến tội phạm vì nó liên quan đến các khu vực nghèo đói - nơi bất bình đẳng cao có xu hướng có tỷ lệ nghèo đói cao.

Trên cơ sở thực nghiệm, quy mô phân bố giữa thu nhập trung bình của tứ phân vị thấp thứ hai và tứ phân vị cao nhất của các hộ gia đình, như một thước đo bất bình đẳng thu nhập, có xu hướng làm tăng tỷ lệ bắt giữ tại thành phố và tỷ lệ ra tòa (Fleisher, B.M., 1966). Tuy nhiên, bằng chứng trở nên không có ý nghĩa thống kê khi các phép hồi quy chỉ được chạy cho các cộng đồng có thu nhập cao. Những cá nhân ở cuối phân phối thu nhập thấp hơn sẽ có xu hướng phạm tội nhiều hơn vì chi phí về mặt thu nhập hợp pháp bị mất là khá thấp (Ehrlich, I., 1973). Tương tự như kết quả của Fleisher, B.M. (1966), Ehrlich, I. (1973) cũng thấy rằng thước đo bất bình đẳng thu nhập có liên quan đến tỷ lệ tội phạm cao hơn. Tuy nhiên, lập luận này không thiết lập mối liên hệ nhân quả giữa bất bình đẳng thu nhập và tội phạm tự nó, mà thay vào đó sử dụng bất bình đẳng làm thước đo cho chi phí cơ hội của tội phạm.

Các bất bình đẳng thu nhập có tác động tích cực đến tỷ lệ tội phạm, cả về giết người cố ý và cướp (Fajnzylber, P., Lederman, D. & Loayza, N., 1998). Kết quả này dựa trên tập dữ liệu về tỷ lệ tội phạm của một mẫu lớn các quốc gia trong giai đoạn 1970–94 dựa trên thông tin từ Khảo sát tội phạm thế giới của Liên Hợp Quốc. Nhưng các bằng chứng khác ghi nhận rằng bất bình đẳng thu nhập không ảnh hưởng đến tội phạm tài sản mặc dù nó có tác động mạnh mẽ và mạnh mẽ đến tội phạm bạo lực (Kelly, M., 2000). Bằng cách sử dụng dữ liệu từ tất cả các quận đô thị và báo cáo tội phạm thống nhất của Cục Điều tra Liên bang (FBI) năm 1991, tác giả chỉ ra rằng tội phạm tài sản có tương quan với nghèo đói.

4. Kết luận và hàm ý cho Việt Nam

Bài báo đánh giá những phát hiện gần đây về nghiên cứu bất bình đẳng kinh tế. Khái niệm bất bình đẳng kinh tế có thể được tiếp cận bằng cách phân bố cơ hội của Max Weber hoặc bằng cách nói lòng năng lực của Sen, A. (1979). Ngay cả với hai cách tiếp cận, phép đo phổ biến về bất bình đẳng kinh tế bao gồm hệ số Gini và tỷ lệ phân tán thu nhập. Về tác động kinh tế - xã hội, bất bình đẳng kinh tế gây ra những tác động trái chiều đến tăng trưởng kinh tế, nhưng tác động tiêu cực rõ ràng đến sự ổn định chính trị, thành tích giáo dục và tội phạm.

Tổng quan tài liệu cho thấy, về mặt học thuật, cần xây dựng một phép đo phù hợp về bất bình đẳng kinh tế hoặc thậm chí bất bình đẳng xã hội cho nền kinh tế Việt Nam. Đặc biệt, phép đo cần tính đến các đặc điểm chính của nền kinh tế này và khắc phục những hạn chế vốn có của các biện pháp chung hiện tại như hệ số Gini và tỷ lệ phân bố thu nhập. Về chính sách công, giải quyết bất bình đẳng kinh tế là rất quan trọng để đạt được sự phát triển bền vững trên cả phương diện kinh tế và xã hội. Chính sách này là chung cho tất cả các nền kinh tế, nhưng đặc biệt đối với nền kinh tế Việt Nam, thách thức nằm ở khả năng giảm bất bình đẳng kinh tế mà không áp đặt thêm các ràng buộc đối với tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế - xã hội.

Tài liệu tham khảo

Acemoglu, D. & Pischke, J.S. (2000). Does inequality encourage education? Mimeo. MIT Cambridge, MA and LSE, London.

- Aghion, P. & Bolton, P. (1997). A theory of trickle-down growth and development. *The Review of Economic Studies*, 64(2), 151-172.
- Aiyar, S. & Ebeke, C. (2020). Inequality of opportunity, inequality of income and economic growth. *World Development*, 136, 105115.
- Atkinson, A. B. (1970). On the measurement of inequality. *Journal of Economic Theory*. 2(3), 244-263.
- Aydin. K. (2018). Max Weber's Theory of Inequality and Social Stratification, *Journal of Economy Culture*, 0(57), 245 - 267
- Banerjee, A. V. & Duflo, E. (2003). Inequality and growth: What can the data say? *Journal of Economic Growth*, 8(3), 267-299.
- Barro, R. J. (1999). Inequality, growth, and investment. National bureau of economic research Cambridge, Mass., USA.
- Becker, G. S. (1968). Crime and Punishment: An Economic Approach. *Journal of Political Economy*, 76(2), 169-217.
- Benabou, R. (1994). Education, income distribution and growth: The local connection. *National Bureau of Economic Research Cambridge, Mass., USA*.
- Birdsall, N. (1999). Education: The People's Asset. Center on Social and Economic Dynamics.
- Cook, C.J. (1995). Savings rates and income distribution: further evidence from LDCs, *Applied Economics*, 27(1), 71- 82.
- Dang, H. A., Dhongde, S., Do, M., Nguyen, C. V. & Pimhidzai, O. (2023). Rapid Economic Growth But Rising Poverty Segregation: Will Vietnam Meet the Sdgs for Equitable Development? IZA Discussion Paper No. 15916.
- Deininger, K. & Squire, L. (1996). A new data set measuring income inequality. *The World Bank Economic Review*, 10(3), 565-591.
- Diamond, J. (2020). Upheaval - Turning points for nations in crisis. Back Days Book Publisher, Newyork, United States.
- Ehrlich, I. (1973). Participation in Illegitimate Activities: A Theoretical and Empirical Investigation. *Journal of Political Economy*, 81(3), 521-565.
- Fajnzylber, P., Lederman, D. & Loayza, N. (1998). Determinants of crime rates in Latin America and the world: An empirical assessment. World Bank Publications.
- Fleisher, B. M. (1966). The Effect of Income on Delinquency. *The American Economic Review*, 56(1/2), 118-137.
- Fritzen, S. (2002). Growth, inequality and the future of poverty reduction in Vietnam. *Journal of Asian Economics*, 13(5), 635-657.
- Galor, O. (2000). Income distribution and the process of development. *European Economic Review*, 44(4-6), 706-712.
- Galor, O. & Zeira, J. (1993). Income distribution and macroeconomics. *The Review of Economic Studies*, 60(1), 35-52.
- Gini, C. (1912). Variabilità e mutabilità: contributo allo studio delle distribuzioni e delle relazioni statistiche.[Fasc. I.]. Tipogr. di P. Cuppini.
- Ha, V. H., Nguyen, T. T. A., Fursova, V. V., & Shakirova, A. Y. (2020). The Impact of Family Socio-economic Status on Access to Higher Education in Vietnam. *Int J Edu Sci*, 28(1-3), 80-85.
- Haughton, J. & Khandker, S. (2009). *Handbook on poverty and inequality*. Washington, DC: World Bank.
- Houthakker, H. S. (1961). An international comparison of personal saving. *Bulletin of the International Statistical Institute*, 55-69.
- Islam, M. R. & McGillivray, M. (2020). Wealth inequality, governance and economic growth. *Economic Modelling*. 88, 1-13.
- Jencks, C. & Mayer, S. E. (1990). The social consequences of growing up in a poor neighborhood. *Inner-City Poverty in the United States*. 111, 186.
- Kaldor, N. (1955). Alternative theories of distribution. *The Review of Economic Studies*. 23(2), 83-100.
- Kelley, A. C. & Williamson, J. G. (1968). Household Saving Behavior in the Developing

- Economies: The Indonesian Case. *Economic Development and Cultural Change*. 16(3), 385-403.
- Kelly, M. (2000). Inequality and crime. *Review of Economics and Statistics*. 82(4), 530-539.
- Klitgaard, M. B. & Elkjær, M. A. (2021). Economic inequality and political responsiveness: A systematic review. *Perspectives on Politics*. 1-20.
- Lê, H.P.L. & Nguyễn, N.A.T (2016) Tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2002-2012, *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 11 (2). 33-44
- Lê, Q. H. & Nguyễn, H. N. (2019). The impact of income inequality on economic growth in Vietnam: An empirical analysis. *Asian Economic and Financial Review*. 9(5), 617-629.
- Lorenz, M. O. (1905). Methods of measuring the concentration of wealth. *Publications of the American Statistical Association*. 9(70), 209-219.
- Luong, Q. H. (2022). The Impact of Income Inequality on Economic Growth: Empirical Evidence from Vietnam. *Journal of Asian Finance, Economics and Business*. 9(2).
- Mayer, S. (2005). How Did the Increase in Economic Inequality between 1970 and 1990 Affect American Children's Educational Attainment? Joint Center for Poverty Research.
- McLoyd, V. C. (1990). The Impact of Economic Hardship on Black Families and Children: Psychological Distress, Parenting, and Socioemotional Development. *Child Development*. 61(2), 311.
- Mdingi, K. & Ho, S. Y. (2021). Literature review on income inequality and economic growth. *MethodsX*. 8, 101402.
- Merton, R. (1957). Social structure and anomie. In *Criminological Perspectives: Essential Readings* (Eugene McLaughlin, John Muncie).
- Nguyễn Phú Trọng (2021). Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Chủ nghĩa Xã hội và con đường đi lên Chủ nghĩa Xã hội ở Việt Nam. *Tạp chí Cộng sản*. https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-chu-nghia-xa-hoi-va-con-duong-di-len-chu-nghia-xa-hoi-o-viet-nam
- Piketty, T. (2014). *Capital in the Twenty-First Century*. Harvard university Press. ISBN 978067443000.
- Schmidt-Hebbel, K. & Serven, L. (2000). Does income inequality raise aggregate saving? *Journal of Development Economics*. 61(2), 417-446.
- Schröder, J. M. & Neumayr, M. (2023). How socio-economic inequality affects individuals' civic engagement: a systematic literature review of empirical findings and theoretical explanations. *Socio-Economic Review*. 21(1), 665-694.
- Shaw, C. R. & McKay, H. D. (1942). *Juvenile delinquency and urban areas*. (pp. xxxii, 451). University of Chicago Press
- Smith, D. (2001). International evidence on how income inequality and credit market imperfections affect private saving rates. *Journal of Development Economics*. 64(1), 103-127.
- Sen, A. (1979). Equality of What? *The Tanner Lectures on Human Values*, https://ophi.org.uk/sites/default/files/Sen-1979_Equality-of-What.pdf
- Solow, R. M. (1956). A Contribution to the Theory of Economic Growth. *Quarterly Journal of Economics*, 70, 65-94.
- Swedberg, R. (2002). The economic sociology of capitalism: Weber and Schumpeter. *Journal of Classical Sociology*, 2(3), 227-255.
- Tran, N. D., Ong, C. N. & Nguyen, Q. D. L. (2020). The relationship between income inequality and savings: Evidence from household-level panel data in Vietnam. *Journal of Applied Economics*, 23(1), 709-728.
- Trump, K. S. (2020). When and why is economic inequality seen as fair. *Current Opinion in Behavioral Sciences*. 34, 46-51.
- Thorbecke, E. & Charumilind, C. (2002). Economic inequality and its socioeconomic impact. *World Development*. 30(9), 1477-1495.
- Võ, H. Đ., Nguyễn Công, T., Hồ Minh, C., Võ Thế, A. & Phạm Ngọc, T. (2018). Bất bình đẳng thu nhập theo giới tính và tăng trưởng kinh tế địa phương tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 13(3), 153-167.